

Số: 01/2021/QĐST-DS

Kim Thành, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v “ Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết ”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Chu Văn Nghĩa.

Thư ký phiên họp: Ông Đình Quốc Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 34/2020/TLST-VDS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-VDS ngày 12 tháng 4 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Đồng Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đồng Xuân C, sinh năm 1955. Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Cụ Đỗ Thị C, sinh năm 1934.

Địa chỉ: Thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957.

4. Anh Đồng Xuân T, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Cụ Đỗ Thị C đề nghị giải quyết vắng mặt; bà D, anh T uỷ quyền cho chị T tham gia tố tụng. Chị T có mặt tại phiên họp).

NỘI D VIẾT DÂN SỰ:

Người yêu cầu, chị Đồng Thị T trình bày: Bố đẻ chị là ông Đồng Xuân C, mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị D sinh được 02 người con là: Đồng Xuân T và chị (Đồng

Thị T). Đến tháng 02/1991 thì ông C có nói đi vào miền Nam làm ăn, không cho gia đình biết đi đâu. Từ thời điểm đó cho đến nay thì ông C không liên lạc gì về gia đình và gia đình không có tin tức gì của ông C. Gia đình đã tìm kiếm bằng nhiều cách, trong đó có nhờ phương tiện thông tin đại chúng đăng thông báo tìm kiếm nhưng cũng không có kết quả. Do ông C đã biệt tích hơn 30 năm, nên chỉ yêu cầu Toà án nhân dân huyện Kim Thành tuyên bố ông Đồng Xuân C, sinh năm 1955 đã chết.

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu là chị Đồng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc đề nghị Toà án tuyên bố bố đẻ chị là ông Đồng Xuân C đã chết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên họp phát biểu về việc tuân theo pháp luật:* Từ khi Toà án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp thì Thẩm phán, Thư ký đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chị Đồng Thị T yêu cầu Toà án tuyên bố ông Đồng Xuân C đã chết là có căn cứ nên được C nhận. Chị Đồng Thị T phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đồng Xuân C biệt tích từ khoảng tháng 02/1991, từ đó cho đến nay gia đình không có thông tin gì về ông C mặc dù đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm; nơi cư trú cuối cùng trước khi ông C biệt tích là thôn Đồng Xá Bắc, xã Đồng Gia, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Đồng Xá Bắc, xã Đ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) nên quan hệ pháp luật là “*Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết*”; thẩm quyền giải quyết yêu cầu thuộc Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] Xét yêu cầu của chị Đồng Thị T về việc tuyên bố ông Đồng Xuân C (là bố đẻ của chị) đã chết: Sau khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị T đã tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ, tiến hành các thủ tục để giải quyết yêu cầu của đương sự theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết đối với ông Đồng Xuân C đăng trên báo Nhân dân 03 số liên tiếp từ ngày 10/12/2020 đến ngày 12/12/2020; phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 số liên tiếp vào các ngày 10,11,12/2020 và đăng thông tin tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định của pháp luật. Tính đến thời điểm chị T yêu cầu Toà án giải quyết việc dân sự thì ông C đã biệt tích gần 30 năm. Từ khi các Cơ quan truyền thông đăng

Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết cho đến kết thúc thời hạn thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật thì Tòa án nhân dân huyện Kim Thành không nhận được tin tức phản hồi nào về việc ông Đồng Xuân C còn sống; những người có quyền lợi liên quan trong việc dân sự đều xác định ông Đồng Xuân C bỏ đi từ khoảng tháng 02/1991; từ đó đến nay không có tin tức gì mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm. Từ những căn cứ và nhận định trên, có đủ căn cứ để xác định: Ông Đồng Xuân C đã biệt tích 05 năm trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống; do vậy, yêu cầu của chị Đồng Thị T về việc tuyên bố ông Đồng Xuân C là đã chết phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 68; Điều 71, 72 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 39, 361, 391 và Điều 393 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Đồng Xuân C có tin tức cuối cùng vào tháng 02/1991; do không có tài liệu, chứng cứ xác định ông C biệt tích vào ngày cụ thể, căn cứ theo quy định của pháp luật thì xác định ngày chết là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo tính từ thời điểm có tin tức cuối cùng của ông C.

[4] Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết: Quan hệ về hôn nhân gia đình, các quan hệ về nhân thân khác và về tài sản có liên quan đến ông Đồng Xuân C được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

[5] Về lệ phí: Chị Đồng Thị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 68; Điều 71, 72 của Bộ luật dân sự. Điều 27, 39, 361, 391 và Điều 393 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. C nhận yêu cầu của chị Đồng Thị T về việc: Tuyên bố ông Đồng Xuân C, sinh năm 1955; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Đồng Xá Bắc, Đ, Kim Thành, Hải Dương là đã chết.

2. Tuyên bố: Ông Đồng Xuân C đã chết ngày 01/3/1991.

3. Khi quyết định của Tòa án tuyên bố một người là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của người đó được giải quyết như đối với người đã chết. Quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Đồng Thị T phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự; được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là 300.000đ, theo Biên lai thu

tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2018/0001606 ngày 28/10/2020. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

5.1 Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

5.2 Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.
- UBND xã Đ, huyện K.
- Người yêu cầu; người có QLLQ.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Chu Văn Nghĩa

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội D này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội D mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để C nhận hoặc không C nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc T hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) T hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”